



WRITING TEST

Name: _____ Class: _____

Translate into English (dịch sang tiếng Anh)

Vietnamese	English	Vietnamese	English
váy		Chân váy	
Áo sơ mi		găng tay	
Áo cộc		Chân váy	
Áo khoác		Áo mưa	
Áo choàng (khoác dài)		kính	
Áo sơ mi cách điệu		Kính râm	
mũ		Mặc (quần áo)	
Mũ lưỡi trai		Trời nắng	
Túi xách		Trời có gió	
Đôi tất		Trời mưa	
khăn		Trời có tuyết	
Quần dài		Đồng hồ	
Quần bò		Giày thể thao	
Quần đùi		Bạn đang mặc gì?	
Đôi giày			
Đôi ủng (giày cao cổ)		Mình đang mặc một chiếc váy trắng	
Áo len			
Quần áo			

